Đây là điều lệ tham khảo đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Khi tham khảo Điều lệ này, doanh nghiệp lưu ý các nội dung sau:

* Điều lệ này chưa quy định cụ thể đối với của thành viên là tổ chức có vốn nhà nước.
* Các nội dung màu đỏ là các nội dung doanh nghiệp cần lưu ý để (i): điền thông tin còn thiếu; (ii) điều chỉnh nội dung: bổ sung thêm, xóa bớt, sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp.
* Hầu hết các điều khoản đều có trich tham chiếu doanh nghiệp có thể đối chiếu để kiểm tra lại. Sau khi đối chiếu doanh nghiệp có thể bỏ “Doanh nghiệp tham chiếu Điều ....
* Bản điều lệ áp dụng trong mô hình công ty không thành lập Ban kiểm soát (số lượng thành viên dưới 11 người không bắt buộc phải lập Ban kiểm soát). Doanh nghiệp tham khảo Điều 162 đến 169 Luật Doanh nghiệp 2014 để quy định tiêu chuẩn, quyền hạn, nghĩa vụ, quyền lợi của kiểm soát viên trong trường hợp công ty thành lập Ban kiểm soát.
* Lưu ý số trang ở mục lục. Doanh nghiệp có thể sử dụng chức năng “Update field”

Bản cuối cùng của doanh nghiệp nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh là bản theo quy định tại Điều lệ công ty, hạn chế các nội dung trích dẫn từ Luật trong khi điều lệ công ty đã đề cập.

.

Các thành viên ký nháy vào từng trang của bản điều lệ khi hoàn chỉnh để đảm bảo tính trọn vẹn thông tin.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**

**......................**

*Huế, tháng …….. năm …….*

Mục lục

[**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG** 2](#_Toc432496999)

[Điều 1. Phạm vi trách nhiệm 2](#_Toc432497000)

[Điều 2. Tên doanh nghiệp 2](#_Toc432497001)

[Điều 3. Địa chỉ trụ sở chính 2](#_Toc432497002)

[Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh 2](#_Toc432497003)

[Điều 5. Thời gian hoạt động 3](#_Toc432497004)

[Điều 6. Con dấu và sử dụng khuôn dấu: 3](#_Toc432497005)

[Điều 7. Người đại diện theo pháp luật 3](#_Toc432497006)

[**CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN** 4](#_Toc432497007)

[Điều 8. Vốn điều lệ 4](#_Toc432497008)

[Điều 9. Thực hiện góp vốn và cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp 4](#_Toc432497009)

[Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ 5](#_Toc432497010)

[Điều 10. Sổ đăng ký thành viên 6](#_Toc432497011)

[Điều 12. Mua lại phần vốn góp 7](#_Toc432497012)

[Điều 13. Chuyển nhượng phần vốn góp 7](#_Toc432497013)

[Điều 14. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp đặc biệt 8](#_Toc432497014)

[**CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY** 9](#_Toc432497015)

[Điều 15. Cơ cấu tổ chức 9](#_Toc432497016)

[Điều 16. Hội đồng thành viên 9](#_Toc432497017)

[Điều 17. Quyền của thành viên công ty 10](#_Toc432497018)

[Điều 18. Nghĩa vụ của thành viên công ty 10](#_Toc432497019)

[Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức 11](#_Toc432497020)

[Điều 20. Chủ tịch Hội đồng thành viên 12](#_Toc432497021)

[Điều 21. Triệu tập họp Hội đồng thành viên 12](#_Toc432497022)

[Điều 22. Điều kiện và thể thức họp Hội đồng thành viên 14](#_Toc432497023)

[Điều 23. Quyết định của Hội đồng thành viên 14](#_Toc432497024)

[Điều 24. Biên bản họp Hội đồng thành viên 15](#_Toc432497025)

[Điều 25. Thủ tục thông qua quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 16](#_Toc432497026)

[Điều 26. Hiệu lực quyết định của Hội đồng thành viên 17](#_Toc432497027)

[Điều 27. Giám đốc 17](#_Toc432497028)

[Điều 28. Nghĩa vụ của người quản lý công ty 18](#_Toc432497029)

[Điều 29. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý công ty 18](#_Toc432497030)

[Điều 30. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận 19](#_Toc432497031)

[Điều 31. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 19](#_Toc432497032)

[Điều 32. Chế độ lưu trữ tài liệu của công ty 19](#_Toc432497033)

[**CHƯƠNG IV: TÀI CHÍNH** 20](#_Toc432497034)

[Điều 33. Hạch toán kế toán tài chính 20](#_Toc432497035)

[Điều 34. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ 20](#_Toc432497036)

[Điều 35. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ 21](#_Toc432497037)

[Điều 36. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia 21](#_Toc432497038)

[**CHƯƠNG V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN** 22](#_Toc432497039)

[Điều 37. Thành lập 22](#_Toc432497040)

[Điều 38. Tổ chức lại công ty. 22](#_Toc432497041)

[Điều 39. Giải thể và trình tự thực hiện thủ tục giải thể 22](#_Toc432497042)

[Điều 40. Phá sản doanh nghiệp 24](#_Toc432497043)

[**CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** 24](#_Toc432497044)

[Điều 41. Hiệu lực của Điều lệ 24](#_Toc432497045)

[Điều 42. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ 24](#_Toc432497046)

[Điều 43. Điều khoản cuối cùng 24](#_Toc432497047)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**

**TÊN RIÊNG CÔNG TY**

**Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được**

**Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014**

Chúng tôi gồm có:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên thành viên** | **Giới tính** | **Ngày sinh** | **Số CMND, ngày cấp, nơi cấp** | **Nơi thường trú** | **Chỗ ở hiện tại** |
| 1 | Nguyễn Văn A | Nam |  | 191384031  ngày 25/10/2010  tại Công an tỉnh Thừa Thiên Huế | Kiệt 187 đường Nguyễn Lộ Trạch, phường Xuân Phú, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | Kiệt 187 đường Nguyễn Lộ Trạch, phường Xuân Phú, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế |
| 2 | Nguyễn Thị B | Nữ |  | 191477547  ngày 25/10/2007  tại Công an tỉnh Thừa Thiên Huế | 355 Cách mạng tháng 8, phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | Tổ 2, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế |

Cam kết không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, 3 Điều 18 Luật Doanh nghiệp 2014, là những thành viên góp vốn của Công ty TNHH........... đã nhất trí thông qua toàn bộ nội dung và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động Công ty và gồm các chương, Điều, khoản sau đây:

........................................

# **CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

## Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi thành viên trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty.

## Điều 2. Tên doanh nghiệp

Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt:

**CÔNG TY TNHH ...............................**

Tên bằng tiếng nước ngoài: **………………**

Tên viết tắt: **.......................**

## Điều 3. Địa chỉ trụ sở chính

Địa chỉ trụ sở chính của công ty đặt tại số nhà: ............................., tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: .............. Fax:

Email: Website:

Công ty có thể thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh ở trong nước và nước ngoài theo quyết định của Hội đồng thành viên và phù hợp với quy định của pháp luật.

## Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
| 1 | Xây dựng nhà các loại | 4100 (chính) |
| 2 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, hạ tầng kỹ thuật. | 4210 |
| 3 | Xây dựng công trình công ích | 4220 |
| 4 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  + Xây dựng công trình công nghiệp.  + Xây dựng đập và đê | 4290 |

Công ty có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật Nhà nước quy định.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Danh mục ngành nghề kinh doanh và ghi theo ngành nghề kinh doanh cấp 4, mã ngành cấp 4 (4 ký tự số) theo quy định tại Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam; Danh mục ngành nghề trên là ví dụ minh họa cách ghi ngành nghề và mã ngành kinh doanh cấp 4 theo quy định)*

## Điều 5. Thời gian hoạt động

1. Thời gian hoạt động của Công ty là hoạt động vĩnh viễn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

2. Công ty có thể chấm dứt hoạt động tại một thời điểm theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc theo quy định của pháp luật.

## Điều 6. Con dấu và sử dụng khuôn dấu:

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu là tài sản của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án hoặc trọng tài.

2. Hình thức, kích cỡ, nội dung của con dấu công ty: Hình tròn đường kính: 36mm; Vành ngoài phía trên con dấu: Mã số doanh nghiệp (M.S.D.N), sau dãy số thực là loại hình doanh nghiệp (C.T.T.N.H.H); Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính; Giữa con dấu: Tên doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Màu mực dấu: Màu đỏ.

- Số lượng con dấu: 01

3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng con dấu: Con dấu của công ty sau khi thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và được chấp thuận sẽ giao cho người đại diện pháp luật của công ty bảo quản và sử dụng theo đúng mục đích của công ty và theo quy định của pháp luật.

5. Hiệu lực con dấu: Có hiệu lực sau 03 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được thông báo mẫu con dấu hợp lệ của Công ty. Con dấu của công ty được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

## Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Công ty chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty (công ty thể quyền có từ 2 người đại diện theo pháp luật trở lên, trong trường hợp này công ty phải ghi rõ chức danh, quyền và nghĩa vụ của các người đại diện pháp luật)

Giám đốc công ty (nếu người đại diện pháp luật mang chức danh Giám đốc, trong trường hợp khác ghi rõ chức danh tương ứng của chức danh người đại diện pháp luật) phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, Giám đốc công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Giám đốc công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014)*

# **CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

## Điều 8. Vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: ....................... đồng

*Bằng chữ: ............................................*

Trong đó: Vốn bằng tiền Việt Nam: ................. đồng.

Tài sản khác (ghi danh mục và quy đổi ra tiền đồng tương đương):

- Thời hạn góp đủ vốn: trong vòng 90 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

2. Thành viên công ty góp vốn cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên thành viên**  **góp vốn** | **VỐN GÓP** | | | | | **Tỉ lệ**  **phần**  **vốn góp** | **Thời điểm**  **góp vốn** |
| Tổng  số | Chia ra trong đó | | | |
| Tiền VN | Ngoại tệ | Vàng | Tài sản khác  (ghi rõ trị giá) |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  | Từ … đến… |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số:** | ------- |  |  |  |  |  |  |

Các thành viên đã cùng nhau xem xét và nhất trí các tài sản kể trên; cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá của tất cả các phần vốn góp bằng tài sản trên (gạch bỏ nội dung màu đỏ này trong trường hợp góp vốn bằng “tiền mặt”)

2. Việc tăng giảm vốn Điều lệ do Hội đồng thành viên quyết định và thực hiện theo quy định tại Điều 10 Điều lệ

## Điều 9. Thực hiện góp vốn và cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành viên phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn bằng loại tài sản góp vốn như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định khoản 1 Điều 7 Điều lệ này (trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Trường hợp thành viên thay đổi loại tài sản góp vốn đã cam kết thì phải được sự nhất trí của các thành viên còn lại; công ty thông báo bằng văn bản nội dung thay đổi đó đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấp thuận sự thay đổi.

2. Trường hợp có thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty; thành viên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

3. Sau thời hạn cam kết lần cuối mà vẫn có thành viên chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong các cách sau đây:

a. Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp;

b. Huy động người khác cùng góp vốn vào công ty;

c. Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn Điều lệ công ty.

Sau khi số vốn còn lại được góp đủ theo quy định tại khoản này, thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty và công ty đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của Điều lệ này.

4. Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c. Vốn Điều lệ của công ty;

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức;

đ. Phần vốn góp, giá trị vốn góp của thành viên;

e. Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;

g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, thành viên được công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 48 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, công ty có thể tăng vốn Điều lệ bằng các hình thức sau đây:

a. Tăng vốn góp của thành viên;

b. Điều chỉnh tăng mức vốn Điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của công ty;

c. Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.

2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn Điều lệ công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn Điều lệ có thể không góp thêm vốn; trong trường hợp này, số vốn góp thêm đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn Điều lệ công ty nếu các thành viên không có thoả thuận khác.

Trường hợp tăng vốn Điều lệ bằng việc tiếp nhận thêm thành viên phải được sự nhất trí của các thành viên.

3. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, công ty có thể giảm vốn Điều lệ bằng các hình thức sau đây:

a. Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn Điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

b. Mua lại phần vốn góp theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này;

c. Điều chỉnh giảm mức vốn Điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của công ty.

4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Vốn điều lệ; số vốn dự định tăng hoặc giảm;

c) Thời điểm, lý do và hình thức tăng hoặc giảm vốn;

d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên. Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên và báo cáo tài chính gần nhất.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 68 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 10. Sổ đăng ký thành viên

1. Khi góp đủ giá trị phần vốn góp, Thành viên được ghi vào sổ thành viên công ty;

2. Công ty lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký thành viên có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức;

c. Phần vốn góp, giá trị vốn đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản của từng thành viên;

d. Chữ ký của thành viên là cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật của thành viên là tổ chức;

e. Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên.

3. Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

## Điều 12. Mua lại phần vốn góp

1. Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;

b. Tổ chức lại công ty;

Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định vấn đề quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Khi có yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không thoả thuận được về giá thì công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Nếu công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thành viên đó có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 52 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 13. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 5 và 6 Điều 14 Điều lệ này, thành viên công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

a) Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng Điều kiện;

b) Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chào bán.

2. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 11 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.

3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong công ty, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 53 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 14. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp đặc biệt

1. Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Toà án tuyên bố là mất tích thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật về dân sự trở thành thành viên của công ty.

2. Trong trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.

3. Phần vốn góp của thành viên được công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 12 và 13 Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:

a. Người thừa kế không muốn trở thành thành viên;

b. Người được tặng, cho theo quy định tại khoản 5 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên;

c. Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.

4. Trường hợp phần vốn góp của thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.

Trường hợp người được tặng cho là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ ba thì họ đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành viên của công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

6. Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai cách sau đây:

a. Trở thành thành viên của công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;

b. Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 54 Luật Doanh nghiệp 2014)*

# **CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY**

## Điều 15. Cơ cấu tổ chức

- Hội đồng thành viên.

- Chủ tịch hội đồng thành viên.

- Giám đốc Công ty.

Khi công ty có từ 11 thành viên trở lên, công ty sẽ lập Ban kiểm soát theo quy định.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 55 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 16. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm các thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Thành viên là tổ chức chỉ định người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên họp mỗi năm ít nhất 1 lần.

2. Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Quyết định tăng hoặc giảm vốn Điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;

c. Quyết định phương thức đầu tư và dự án đầu tư có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty;

d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty;

đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Kế toán trưởng.

e. Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kế toán trưởng.

g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

i.Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;

k. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

l .Quyết định tổ chức lại công ty;

m . Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

n) Quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty. (trong trường hợp không có quy định quyền và nghĩa vụ khác được ghi cụ thể thì gạch bỏ nội dung màu đỏ này)

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 55 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 17. Quyền của thành viên công ty

1.Thành viên Công ty có quyền:

a. Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

b. Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn đã góp;

c. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty;

d. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

đ. Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản;

e. Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn Điều lệ;

g. Khiếu nại hoặc khởi kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, người quản lý khác của công ty khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của thành viên, của công ty theo quy định của pháp luật. Chi phí khởi kiện trong trường hợp thành viên khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện;

h. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, để thừa kế, tặng, cho;

i. Thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu trên 10% vốn Điều lệ (công ty có thể quy định một tỷ lệ nhỏ hơn, ví dụ “trên 5%”), có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên;

k. Trường hợp công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn Điều lệ (công ty có thể quy định một tỷ lệ nhỏ hơn, ví dụ “trên 80%”), thì các thành viên thiểu số hợp nhau lại đương nhiên có quyền như quy định tại điểm i khoản 2 Điều này;

l. Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, Điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.

## Điều 18. Nghĩa vụ của thành viên công ty

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty;

2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 10, 12, 13 và 14 Điều lệ này.

3. Tuân thủ Điều lệ này.

4. Chấp hành quyết định của Hội đồng thành viên.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 50, 51 và 72 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức

1. Thành viên là tổ chức phải cử người đại diện theo ủy quyền nhân danh tổ chức đó thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty. Số lượng người đại diện theo ủy quyền được quy định như sau:

a) Thành viên là tổ chức có sở hữu ít nhất 35% vốn Điều lệ có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện (Công ty có quyền đưa ra quy định về số lượng người đại diện theo ủy quyền khác với quy định này);

b. Trường hợp thành viên là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, tỷ lệ góp vốn cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2.Việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản, được thông báo đến công ty và cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày chỉ định. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

b. Tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền được chỉ định;

d. Thời hạn uỷ quyền;

đ. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thành viên, của người đại diện theo uỷ quyền của thành viên.

3.Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và Điều kiện sau đây:

a. Đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;

4. Người đại diện theo uỷ quyền nhân danh thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy định của Điều lệ này. Mọi hạn chế của thành viên đối với người đại diện theo uỷ quyền của mình trong việc thực hiện các quyền thành viên thông qua Hội đồng thành viên đều không có hiệu lực pháp lý đối với bên thứ ba.

5. Người đại diện theo uỷ quyền có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thành viên; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của thành viên và công ty.

6. Người đại diện theo uỷ quyền có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp được uỷ quyền.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 15 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 20. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;

b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;

c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;

d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;

đ. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá năm năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 57 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 21. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại điểm i và k khoản 2 Điều 17 Điều lệ này. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo uỷ quyền;

b. Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;

c. Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d. Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

2. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp (Công ty có thể quy định thời hạn gửi các tài liệu khác).

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại điểm i và k khoản 2 Điều 16 Điều lệ này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên; trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên; đồng thời, có quyền nhân danh mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của thành viên hoặc nhóm thành viên đó.

4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;

b. Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;

c. Dự kiến chương trình họp;

d. Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ.

5. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với công ty và thành viên có liên quan của công ty. Trong trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được công ty hoàn lại.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 58 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 22. Điều kiện và thể thức họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 65% (công ty có thể quy dịnh một tỷ lệ khác, ví dụ “ít nhất 80%”);

2.Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 50% vốn Điều lệ;

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn Điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

4. Thành viên, người đại diện theo uỷ quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 59 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 23. Quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b. Quyết định phương hướng phát triển công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc;

d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

đ. Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.

2.Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

a. Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận (công ty có thể quy dịnh một tỷ lệ khác, ví dụ “ít nhất 70%”), trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b. Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận đối với quyết định các nội dung sau:

- Bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (công ty có thể quy dịnh một tỷ lệ nhỏ hơn, ví dụ “bằng hoặc lớn hơn 30%”);

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty.

3.Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên đại diện ít nhất 65% vốn Điều lệ chấp thuận (công ty có thể quy dịnh một tỷ lệ khác, ví dụ “ít nhất 75%”).

4. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 60 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 24. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi vào sổ biên bản của công ty, có thể ghi âm.

2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;

b. Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện uỷ quyền của thành viên không dự họp;

c. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;

d. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;

đ. Các quyết định được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp.

3. Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 61 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 25. Thủ tục thông qua quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, tỷ lệ phần vốn đại diện của thành viên Hội đồng thành viên;

c. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

d. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty;

đ. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, chính xác được thành viên gửi về công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ;

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;

b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên mà không nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến không hợp lệ;

c) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến;

d) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;

đ) Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 61 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 26. Hiệu lực quyết định của Hội đồng thành viên

Quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết đó.

Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực thi hành.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 63 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 27. Giám đốc

1. Giám đốc công ty là người Điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d. Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

e. Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

g. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;

i. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Tuyển dụng lao động;

l. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, Hợp đồng lao động mà Giám đốc ký với công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014.

b) Ưu tiên là thành viên góp vốn công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp

Công ty tự biên soạn ví dụ “b) Ưu tiên là thành viên góp vốn của công ty có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.”

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 64 và 65 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 28. Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền (ghi rõ chức vụ) nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty khi được ủy quyền.

2. Người quản lý công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

b. Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà người quản lý và người có liên quan theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (bỏ nội dung màu đỏ này nếu không có quy định khác).

3. Văn bản thông báo người có liên quan theo điểm c khoản 2 Điều này bao gồm nội dung sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp địa chỉ trụ sở chính, của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

4. Việc kê khai quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc thay đổi lợi ích liên quan. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các giao dịch của họ với công ty. Danh sách này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Người quản lý công ty và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này trong giờ làm việc theo quy định nội bộ công ty.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Khoản 18 Điều 4 và Điều 71 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 29. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý công ty

1. Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

3, Người quản lý doanh nghiệp không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 66 và 71 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 30. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

a. Thành viên, người đại diện theo uỷ quyền của thành viên, Giám đốc

b. Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;

c. Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

d. Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên về các đối tượng liên quan của hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự đồng ý của số thành viên đại diện ít nhất 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết (công ty có thể quy dịnh một tỷ lệ khác, ví dụ “ít nhất 80%”). Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 2 và 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

*(Doanh nghiệp tham chiếu Điều 67 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 31. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các cổ đông sáng lập trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;

2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẩn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án (hay một tổ chức nào đó có thẩm quyền). Quyết định của Toà án hay của tổ chức đó là quyết định cuối cùng mà các thành viên phải tuân theo.

*(Các thành viên tự thỏa thuận để soạn nội dung Điều này nhưng không được trái với quy định của pháp luật)*

## Điều 32. Chế độ lưu trữ tài liệu của công ty

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký thành viên;

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;

d) Biên bản họp Hội đồng thành viên và các quyết định của công ty;

e) Báo cáo, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

*(Doanh nghiệp tham khảo Điều 11 Luật Doanh nghiệp 2014)*

# **CHƯƠNG IV: TÀI CHÍNH**

## Điều 33. Hạch toán kế toán tài chính

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi; có trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn vốn của công ty.

2. Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn Điều lệ của Công ty công bố mỗi khi có sự thay đổi.

3. Công ty tuân thủ mọi chế đố kế toán, thống kê, lập sổ sách, mẫu biểu báo cáo theo đúng luật định hiện hành.

4. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm, tính theo năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong năm.

5. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến Hội đồng thành viên để xem xét.

a. Các báo cáo tài chính: Bảng kiểm kê tài sản, bảng cân đối tài sản, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, ghi rõ lãi lỗ của từng ngành kinh doanh và từng đơn vị trực thuộc khi công ty thành lập đơn vị trực thuộc và các bảng giải trình, phân tích tình hình tài chính Công ty.

b. Kế toán trưởng công ty phải chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo tài chính. Trong trường hợp cần thiết công yêu cầu phải kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập về tài chính

c. Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.

## Điều 34. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

1. Công ty chia lợi nhuận cho các thành viên khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

2. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lập quỹ dự trữ bắt buộc và thanh toán tất cả các khoản nợ đến hẹn phải trả, lợi nhuận sẽ được phân bổ như sau:

(a) Quỹ dự trữ bắt buộc: 5 %

(b) Quỹ phúc lợi tập thể: 5 %

(c) Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 10 %

(d) Quỹ khen thưởng: 5 %

Các quỹ khác sẽ do Hội đồng thành viên quyết định tuỳ thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Sau khi đã trích lập các quỹ và thanh toán các khoản nợ đến hẹn phải trả, Hội đồng sẽ quyết định việc phân chia lợi nhuận cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp. Các khoản lỗ trong kinh doanh cũng sẽ được chia sẻ cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.

4. Nếu như Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại trước hết sẽ được dùng để trang trải phần lỗ đó. Theo nghị quyết của Hội đồng, các khoản lợi nhuận được Công ty giữ lại do được chuyển từ các năm trước qua có thể được phân chia cùng với các khoản lợi nhuận có thể chia của năm hiện tại.

## Điều 35. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng thành viên quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau :

a. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;

b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn kông khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Hội đồng thành viên sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định tại Luật phá sản hiện hành.

## Điều 36. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn Điều lệ trái với quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Điều lệ này hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ này thì các thành viên phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia.

*(Doanh nghiệp tham khảo Điều 70 Luật Doanh nghiệp 2014)*

# **CHƯƠNG V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

## Điều 37. Thành lập

Công ty được thành lập sau khi các thành viên công ty chấp thuận, ký nháy từng trang vào Bản Điều lệ này và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập công ty đều được ghi vào mục chi phí của công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

## Điều 38. Tổ chức lại công ty.

1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức như sau:

a. Chia doanh nghiệp: Công ty chấm dứt sự tồn tại để chia thành một số Công ty mới. Việc thực hiện chia doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 192 Luật Doanh nghiệp 2014

b. Tách doanh nghiệp: Công ty chuyển một phần tài sản, nợ, vốn của Công ty hiện có để thành lập một hoặc một số Công ty mới. Công ty sẽ tiếp tục tồn tại với phần tài sản, nợ, vốn còn lại. Việc thực hiện tách doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 193 Luật Doanh nghiệp 2014

c. Hợp nhất doanh nghiệp: Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp nhất cùng một hoặc một số Công ty khác để hình thành một Công ty mới. Việc thực hiện hợp nhất doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 194 Luật Doanh nghiệp 2014

d. Sáp nhập doanh nghiệp: Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một Công ty khác-hoặc Công ty tiếp tục tồn tại có sự tiếp nhận các Công ty khác sáp nhập vào. Việc thực hiện sáp nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2014.

e. Chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên hoặc công ty cổ phần

2. Giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại công ty để trình Hội đồng thành viên quyết định.

## Điều 39. Giải thể và trình tự thực hiện thủ tục giải thể

1. Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Theo quyết định của Hội đồng thành viên.

b. Công ty không đủ tối thiểu là 02 thành viên trong thời hạn 6 tháng liên tục.

c. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Công ty thực hiện việc giải thể như sau:

a) Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

ii) Lý do giải thể;

iii) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

iv) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

v) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp;

c) Gửi quyết định giải thể và biên bản họp về việc giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d) Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

i) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

ii) Nợ thuế;

iii) Các khoản nợ khác.

đ) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia các thành viên công ty theo tỷ lệ sở hữu.

e) Công ty phải chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (nếu có) tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở trước khi nộp hồ sơ giải thể công ty.

g) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi Hồ sơ giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Trường hợp công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp 2014.

4. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về giải thể doanh nghiệp;

b) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp;

c) Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu;

d) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

*(Doanh nghiệp tham khảo Điều 201, 202, 203 và 204 Luật Doanh nghiệp 2014)*

## Điều 40. Phá sản doanh nghiệp

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

# **CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## Điều 41. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

## Điều 42. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Hội đồng thành viên.

3. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Hội đồng thành viên sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều lệ này.

4. Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ, tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật công ty.

## Điều 43. Điều khoản cuối cùng

Bản điều lệ này đã được tập thể thành viên xem xét từng chương, từng điều và cùng ký nháy từng trang vào Điều lệ này.

Bản Điều lệ này gồm 06 chương 43 điều, được lập thành ………… bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở công ty, ………. cho mỗi thành viên.

Mọi sự sao chép phải được thông qua của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc của Giám công ty.

#### HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN